

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH

Số: 464 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tân Bình, ngày 06 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức
đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo
quận Tân Bình năm học 2024 – 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng
11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của
Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số
85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về
tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ
Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi
nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên
chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công
chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định phân cấp
tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 260/KH-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chủ
tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị

sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình năm học 2024 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình năm học 2024 – 2025;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình năm học 2024 – 2025 tại Tờ trình số 138/TTr-HĐTDVC ngày 05 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức đối với 775 thí sinh tham dự kỳ tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình năm học 2024 – 2025, có 176 thí sinh trúng tuyển và 599 thí sinh không trúng tuyển (danh sách đính kèm).

Điều 2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng viên chức phải thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Trang thông tin điện tử Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký. Nội dung thông báo phải ghi rõ thời hạn người trúng tuyển phải đến Ủy ban nhân dân quận Tân Bình (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo) để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập thuộc quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Nội vụ;
- Sở GDĐT;
- TTUB: CT, PCT/VX;
- Hội đồng tuyển dụng VC;
- Ban Giám sát;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- VP.UBND: CVP;
- Lưu: VT, Y.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Bá Thành



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN TÂN BÌNH NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số 464 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
1	MN 5	Hoàng Thị Trâm Anh	07/7/1995	Trường Mầm non 6				Vắng	
2	MN 5	Nguyễn Thị Thùy Dung	12/5/2002	Trường Mầm non 10A	86.0		86.0	Trúng tuyển	
3	MN 5	Phạm Thị Mỹ Dung	24/5/1990	Trường Mầm non 6	85.0		85.0	Trúng tuyển	
4	MN 5	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	28/3/1980	Trường Mầm non 2	45.0		45.0	Không trúng tuyển	
5	MN 5	Dương Thị Phương Hoa	04/8/1988	Trường Mầm non 6	47.0		47.0	Không trúng tuyển	
6	MN 5	Nguyễn Ngọc Duy Khang	17/12/1982	Trường Mầm non 6	85.0		85.0	Trúng tuyển	
7	MN 5	Nguyễn Thị Kiều	15/10/1992	Trường Mầm non 10A	47.0		47.0	Không trúng tuyển	
8	MN 5	Trần Thị Mộng Kiều	25/11/1982	Trường Mầm non 2	85.0		85.0	Trúng tuyển	
9	MN 5	Phạm Vũ Quỳnh Lan	20/10/1979	Trường Mầm non 6	44.0		44.0	Không trúng tuyển	
10	MN 5	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01/9/1980	Trường Mầm non 2	48.0		48.0	Không trúng tuyển	
11	MN 5	Lý Thị Vạn Phước	15/3/1986	Trường Mầm non 6				Vắng	
12	MN 5	Phạm Thùy Bích Phương	14/01/1990	Trường Mầm non 6	45.0		45.0	Không trúng tuyển	
13	MN 5	Lý Thị Bảo Uyên	04/11/1985	Trường Mầm non 6	46.0		46.0	Không trúng tuyển	
14	MN 5	Trần Thị Diễm Quỳnh	24/10/2002	Trường Mầm non 10A	83.0		83.0	Trúng tuyển	
15	MN 5	Võ Thị Phương Thảo	18/01/1994	Trường Mầm non 10A	85.0		85.0	Trúng tuyển	
16	MN 5	Phan Thị Huyền Thương	26/11/1993	Trường Mầm non 2	84.0		84.0	Trúng tuyển	
17	MN 5	Lưu Thị Thùy Tiên	04/02/1993	Trường Mầm non 6	84.0		84.0	Trúng tuyển	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
18	MN 5	Trương Thị Mỹ	Trang	Trường Mầm non 10A	44.0		44.0	Không trúng tuyển	
19	MN 5	Nguyễn Hoàng Thủy	Trúc	Trường Mầm non 2	46.0		46.0	Không trúng tuyển	
20	MN 4	Võ Nguyễn Hồng	Ánh	Trường Mầm non 9	74.0		74.0	Không trúng tuyển	
21	MN 4	Huỳnh Ngọc	Châu	Trường Mầm non 9	73.0		73.0	Không trúng tuyển	
22	MN 4	Tăng Thị Ngọc	Điệp	Trường Mầm non 9	71.7		71.7	Không trúng tuyển	
23	MN 4	Nguyễn Thanh	Doãn	Trường Mầm non Bàu Cát				Vắng	
24	MN 4	Trần Thị Bé	Hào	Trường Mầm non Bàu Cát	84.7		84.7	Trúng tuyển	
25	MN 4	Lê Thị	Kiều	Trường Mầm non 5	69.0		69.0	Không trúng tuyển	
26	MN 4	Nguyễn Thị Phương	Mai	Trường Mầm non 5	81.7		81.7	Trúng tuyển	
27	MN 4	Giang Kim	Ngân	Trường Mầm non 5	83.3	5	88.3	Trúng tuyển	Dân tộc Hoa
28	MN 4	Trần Thị	Nường	Trường Mầm non Bàu Cát				Vắng	
29	MN 4	Nguy Khai	Oanh	Trường Mầm non 5	72.7	5	77.7	Không trúng tuyển	Dân tộc Hoa
30	MN 4	Tô Minh	Thư	Trường Mầm non 5	74.0		74.0	Không trúng tuyển	
31	MN 4	Nguyễn Phạm Như	Thùy	Trường Mầm non 9	81.7		81.7	Trúng tuyển	
32	MN 4	Cao Thị Thanh	Thùy	Trường Mầm non Bàu Cát				Vắng	
33	MN 4	Lê Thị Diễm	Trang	Trường Mầm non 9				Vắng	
34	MN 4	Nguyễn Thị Phương	Trang	Trường Mầm non Bàu Cát	84.7		84.7	Trúng tuyển	
35	MN 4	Nguyễn Thị Việt	Trinh	Trường Mầm non 9	84.7		84.7	Trúng tuyển	
36	MN 4	Lâm Thị	Tuyền	Trường Mầm non Bàu Cát	69.3	5	74.3	Không trúng tuyển	Dân tộc Khmer
37	MN 4	Đỗ Thị Cẩm	Viên	Trường Mầm non 5	82.3		82.3	Trúng tuyển	
38	MN 4	A	YỖ	Trường Mầm non 9				Vắng	
39	MN 3	Huỳnh Nguyễn Mai	Anh	Trường Mầm non Hòa Mi	44.0	5	49.0	Không trúng tuyển	Con thương binh
40	MN 3	Lưu Hoàng Minh	Anh	Trường Mầm non Hòa Mi				Vắng	
41	MN 3	Trần Thị	Đoàn	Trường Mầm non Hòa Mi				Vắng	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
42	MN 3	Đào Thúy Hải	10/9/1990	Trường MN Tân Sơn Nhất	87.0		87.0	Trúng tuyển	
43	MN 3	Nguyễn Thúy Hằng	11/11/1985	Trường Mầm non Kim Đồng	87.0		87.0	Trúng tuyển	
44	MN 3	Dương Phạm Ngọc Hiền	16/10/1990	Trường Mầm non Hòa Mi	46.0		46.0	Không trúng tuyển	
45	MN 3	Hoàng Thị Huyền	25/9/1999	Trường MN Tân Sơn Nhất	47.0		47.0	Không trúng tuyển	
46	MN 3	Đặng Thị Ngọc Khiếu	02/12/1997	Trường Mầm non Hòa Mi	87.3	5	92.3	Trúng tuyển	Con thương binh
47	MN 3	Nguyễn Phan Thị Lan	28/11/1999	Trường Mầm non Hòa Mi	46.7		46.7	Không trúng tuyển	
48	MN 3	Lê Thị Ngọc Linh	15/3/2003	Trường Mầm non Hòa Mi				Vắng	
49	MN 3	Phạm Thanh Yến Nhi	19/8/1989	Trường MN Tân Sơn Nhất	88.0	5	93.0	Trúng tuyển	Con thương binh
50	MN 3	Lê Thị Quỳnh Như	09/02/2002	Trường Mầm non Hòa Mi				Vắng	
51	MN 3	Dương Hoàng Kim Phụng	30/11/2001	Trường MN Tân Sơn Nhất	47.0		47.0	Không trúng tuyển	
52	MN 3	Nguyễn Thị Ngọc Quý	08/5/1996	Trường Mầm non Hòa Mi	48.7		48.7	Không trúng tuyển	
53	MN 3	Nguyễn Thị Khánh Tâm	30/9/1996	Trường Mầm non Hòa Mi	48.0		48.0	Không trúng tuyển	
54	MN 3	Lê Thị Thanh	21/9/1988	Trường Mầm non Hòa Mi	47.7		47.7	Không trúng tuyển	
55	MN 3	Nguyễn Thị Thanh Thảo	13/12/1985	Trường Mầm non Hòa Mi	47.7		47.7	Không trúng tuyển	
56	MN 3	Văn Thị Anh Thi	23/3/1999	Trường Mầm non Hòa Mi	47.0		47.0	Không trúng tuyển	
57	MN 3	Giang Thanh Trúc	26/11/2000	Trường Mầm non Hòa Mi	46.0	5	51.0	Không trúng tuyển	Dân tộc Hoa
58	MN 3	Lê Thị Tú	30/10/1999	Trường Mầm non Hòa Mi	47.0		47.0	Không trúng tuyển	
59	MN 3	Phạm Nguyễn Tó Uyên	01/10/2002	Trường Mầm non Hòa Mi	47.3		47.3	Không trúng tuyển	
60	MN 3	Phạm Thị Cẩm Vi	19/02/2000	Trường Mầm non Hòa Mi	87.0		87.0	Trúng tuyển	
61	MN 3	Nguyễn Vũ Khánh Vy	10/02/2002	Trường Mầm non Hòa Mi	87.0		87.0	Trúng tuyển	
62	MN 2	Lê Hà Tú Anh	20/01/1999	Trường Mầm non 1	72.0		72.0	Không trúng tuyển	
63	MN 2	Vũ Thụy Hải Âu	14/3/2001	Trường Mầm non 1				Vắng	
64	MN 2	Lương Thị Thúy Bình	03/11/1993	Trường Mầm non 1				Vắng	
65	MN 2	Nguyễn Thị Quế Đan	27/10/1995	Trường Mầm non Tuổi Xanh	84.0		84.0	Trúng tuyển	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
66	MN 2	Nguyễn Thị Thùy Dung	01/8/1995	Trường Mầm non 1				Vắng	
67	MN 2	Nguyễn Thị Thúy Hằng	05/6/2002	Trường Mầm non 1	84.3		84.3	Trúng tuyển	
68	MN 2	Nguyễn Thị Bích Hậu	02/3/1987	Trường Mầm non 3	83.0		83.0	Trúng tuyển	
69	MN 2	Nguyễn Thị Mai Hiên	28/6/2001	Trường Mầm non 1	83.3		83.3	Trúng tuyển	
70	MN 2	Nguyễn Thị Hồng	13/01/1991	Trường Mầm non 1	84.0		84.0	Trúng tuyển	
71	MN 2	Đặng Thúy Kiều	02/9/2002	Trường Mầm non 3	85.3		85.3	Trúng tuyển	
72	MN 2	Hoàng Thị Trúc Ly	01/01/1986	Trường Mầm non 3	82.0		82.0	Trúng tuyển	
73	MN 2	Nguyễn Thị Ngọc My	19/4/2001	Trường Mầm non 1				Vắng	
74	MN 2	Trần Hoàng Yến Ngọc	24/9/1998	Trường Mầm non 1	83.7		83.7	Trúng tuyển	
75	MN 2	Cao Thị Kim Phụng	28/12/1982	Trường Mầm non Tuổi Xanh	73.0		73.0	Không trúng tuyển	
76	MN 2	Đặng Nguyễn Thu Phương	05/5/1999	Trường Mầm non 1				Vắng	
77	MN 2	Mai Thị Minh Tâm	15/01/1986	Trường Mầm non 1	72.3		72.3	Không trúng tuyển	
78	MN 2	Ngô Thị Thắm	12/10/1996	Trường Mầm non 1				Vắng	
79	MN 2	Tạ Thị Thu Thùy	30/11/1988	Trường Mầm non 1				Vắng	
80	MN 2	Nguyễn Thị Bích Trâm	02/01/1979	Trường Mầm non 1	71.7		71.7	Không trúng tuyển	
81	MN 2	Nguyễn Vũ Huyền Trân	30/8/2003	Trường Mầm non 1	70.3		70.3	Không trúng tuyển	
82	MN 2	Nguyễn Thị Xuân Tuyền	01/9/1997	Trường Mầm non 1	84.0		84.0	Trúng tuyển	
83	MN 2	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	27/7/2000	Trường Mầm non 1	79.3		79.3	Không trúng tuyển	
84	MN 2	Trần Thị Hoàng Vy	23/02/2000	Trường Mầm non Tuổi Xanh	82.7		82.7	Trúng tuyển	
85	MN 1	Lâm Thúy Hằng	07/01/1996	Trường Mầm non 14	81.0		81.0	Trúng tuyển	
86	MN 1	Thái Thị Hằng	30/3/1993	Trường Mầm non 14				Vắng	
87	MN 1	Trần Thúy Hằng	10/5/2001	Trường Mầm non 14	70.3		70.3	Không trúng tuyển	
88	MN 1	Võ Phúc Hậu	24/10/1995	Trường Mầm non 14	63.3		63.3	Không trúng tuyển	
89	MN 1	Nguyễn Thị Thanh Hương	25/4/2001	Trường Mầm non 14				Vắng	
90	MN 1	Nguyễn Thị Khuyên	19/6/1985	Trường Mầm non 14	62.7		62.7	Không trúng tuyển	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
91	MN 1	Phạm Thị Ngọc Linh	20/8/2000	Trường Mầm non 14				Vắng	
92	MN 1	Trịnh Thị Hương Loan	28/7/1986	Trường Mầm non 14	70.3		70.3	Không trúng tuyển	
93	MN 1	Nguyễn Thị Mộng Lương	01/4/1994	Trường Mầm non 14				Vắng	
94	MN 1	Nguyễn Thị Lệ Mỹ	11/8/2001	Trường Mầm non 14				Vắng	
95	MN 1	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	16/4/1990	Trường Mầm non 14	83.0		83.0	Trúng tuyển	
96	MN 1	Nguyễn Thiên Nhi	09/8/2000	Trường Mầm non 14				Vắng	
97	MN 1	Bùi Thị Kiều Oanh	17/10/1987	Trường Mầm non 14	68.0		68.0	Không trúng tuyển	
98	MN 1	Trần Thị Loan Thảo	24/6/2000	Trường Mầm non Quận	48.0		48.0	Không trúng tuyển	
99	MN 1	Trần Thị Thu Thảo	01/3/2001	Trường Mầm non 14				Vắng	
100	MN 1	Trần Thị Thanh Thùy	21/5/1990	Trường Mầm non 14	65.3		65.3	Không trúng tuyển	
101	MN 1	Huỳnh Thị Thủy Tiên	19/8/1993	Trường Mầm non 14	81.0		81.0	Trúng tuyển	
102	MN 1	Phạm Thị Thu Trang	08/12/2000	Trường Mầm non 14				Vắng	
103	MN 1	Lê Thị Bích Vân	25/9/1980	Trường Mầm non 14	55.0		55.0	Không trúng tuyển	
104	MN 1	Nguyễn Trần Phương Vy	02/10/2002	Trường Mầm non 14	65.3		65.3	Không trúng tuyển	
105	MN 1	Trần Thị Nhật Vy	06/01/2002	Trường Mầm non 14	79.0		79.0	Trúng tuyển	
106	MN 1	Trần Thị Thanh Xuân	08/4/1997	Trường Mầm non 14	57.3		57.3	Không trúng tuyển	
107	TH	Lê Thị Mỹ Phương	12/01/1983	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	47.7		47.7	Không trúng tuyển	
108	MT	Nguyễn Thị Diệp Thúy	04/10/1981	Trường Tiểu học Đổng Đa	79.3		79.3	Trúng tuyển	
109	MT	Thái Thị Tân Nương	09/7/1994	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển				Vắng	
110	TPT	Lý Ngọc Hoa	25/5/1998	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	71.0	5	76.0	Trúng tuyển	Dân tộc Hoa
111	TPT	Ngô Thu Hương	02/8/1994	Trường Tiểu học Tân Trụ				Vắng	
112	TPT	Bùi Mỹ Huyền	26/8/1994	Trường Tiểu học Tân Trụ	74.0		74.0	Trúng tuyển	
113	AN	Nguyễn Thị Hoài Thương	14/10/1997	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	61.7		61.7	Trúng tuyển	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
114	AN	Ngô Thị Ngọc	14/4/1991	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	63.7		63.7	Trúng tuyển	
115	AN	Trịnh Thu	11/11/1994	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	60.0		60.0	Không trúng tuyển	
116	AN	Trần Hữu	18/8/1984	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn				Vắng	
117	AN	Nguyễn Thị Hồng	12/01/1990	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	82.0		82.0	Trúng tuyển	
118	AN	Lê Bùi Thanh	14/4/1993	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	83.0		83.0	Không trúng tuyển	
119	AN	Mai Xuân	12/7/1984	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	85.3		85.3	Trúng tuyển	
120	TD	Nguyễn Phúc	28/02/2001	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	79.0		79.0	Trúng tuyển	
121	TD	Nguyễn Đức	10/10/2002	Trường Tiểu học Yên Thế	75.3		75.3	Không trúng tuyển	
122	TD	Nguyễn Công	05/3/1993	Trường Tiểu học Phan Huy Ích				Vắng	
123	TD	Lê Việt	24/9/2001	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	85.7		85.7	Trúng tuyển	
124	AV2	Nguyễn Thị Thúy	30/11/1978	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	62.0		62.0	Không trúng tuyển	Học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị
125	TD	Phạm Minh	10/8/1997	Trường Tiểu học Yên Thế	71.7	5	76.7	Không trúng tuyển	
126	TD	Nguyễn Văn	01/7/2002	Trường Tiểu học Phan Huy Ích				Vắng	
127	AV2	Nguyễn Quốc	09/11/1986	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	81.0		81.0	Trúng tuyển	
128	TD	Bùi Văn	01/01/1995	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	70.0		70.0	Không trúng tuyển	
129	TD	Vũ Thanh	18/12/1993	Trường Tiểu học Lạc Long Quân				Vắng	
130	TD	Tô Quốc	10/8/1999	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	72.0	5	77.0	Không trúng tuyển	Dân tộc Hoa
131	TD	Nguyễn Đình	25/7/2002	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	74.0		74.0	Trúng tuyển	
132	TD	Mang	10/01/1990	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	80.3	5	85.3	Trúng tuyển	Dân tộc Gia-rai

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
133	TD	Nguyễn Thị Thùy Tiên	06/4/2002	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	70.7		70.7	Trúng tuyển	
134	TD	Lê Nguyễn Phương	11/12/1996	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	75.0		75.0	Không trúng tuyển	
135	TD	Lê Văn Tuấn	20/01/1994	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	76.0		76.0	Không trúng tuyển	
136	TD	Trương Tiểu Long	22/12/1998	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	71.7		71.7	Không trúng tuyển	
137	TD	Nguyễn Thị Kim Nhiên	03/9/2000	Trường Tiểu học Lạc Long Quân				Vắng	
138	TD	Nguyễn Trần Hoàng Vũ	06/6/1995	Trường Tiểu học Yên Thế	84.7		84.7	Trúng tuyển	
139	AV2	Trần Huỳnh Thụy Anh	07/3/1997	Trường Tiểu học Chi Lăng	80.7		80.7	Không trúng tuyển	
140	AV2	Vũ Thị Vân Anh	25/3/1983	Trường Tiểu học Chi Lăng				Vắng	
141	AV2	Đoàn Thị Minh Hiền	22/4/1978	Trường Tiểu học Thân Nhân Trung				Vắng	
142	TD	Trần Huỳnh Út	10/9/1991	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	79.3		79.3	Trúng tuyển	
143	TD	Nguyễn Thị Phương Uyên	11/10/2002	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	73.3		73.3	Không trúng tuyển	
144	AV2	Phan Thị Hồng Minh	11/02/2001	Trường Tiểu học Thân Nhân Trung				Vắng	
145	AV2	Phạm Minh Ngọc	27/3/1993	Trường Tiểu học Chi Lăng				Vắng	
146	AV2	Phạm Thị Thanh Nhân	20/3/1980	Trường Tiểu học Chi Lăng	75.0		75.0	Không trúng tuyển	
147	AV2	Nguyễn Thành Nhân	07/4/1991	Trường Tiểu học Chi Lăng				Vắng	
148	AV2	Quách Tú Quyên	18/5/1985	Trường Tiểu học Thân Nhân Trung	48.7		48.7	Không trúng tuyển	
149	AV2	Đỗ Ngọc Kim Sang	03/10/2000	Trường Tiểu học Chi Lăng	82.7		82.7	Trúng tuyển	
150	AV2	Trần Mỹ Tâm	07/9/1986	Trường Tiểu học Chi Lăng	82.0	5	87.0	Trúng tuyển	Dân tộc Hoa
151	AV2	Trần Thị Thanh Thảo	18/10/2000	Trường Tiểu học Chi Lăng	68.0		68.0	Không trúng tuyển	
152	AV2	Phạm Trần Hoàng Trâm	07/6/2002	Trường Tiểu học Chi Lăng				Vắng	

STT	Mã vị trí đự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
153	AV2	Huỳnh Thanh Trúc	05/11/1987	Trường Tiểu học Chi Lăng	76.7		76.7	Không trúng tuyển	
154	AV2	Huỳnh Ngọc Tuyết	14/8/2001	Trường Tiểu học Chi Lăng	76.7	5	81.7	Trúng tuyển	Dân tộc Hoa
155	AV1	Lê Thị Hồng Liên	27/01/1980	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	65.7		65.7	Không trúng tuyển	
156	AV1	Phạm Thị Quỳnh Anh	24/8/1999	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	85.7		85.7	Trúng tuyển	
157	AV1	Nguyễn Khánh Ngọc	29/6/1999	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	70.7		70.7	Không trúng tuyển	
158	AV1	Võ Đình Lễ	06/12/1983	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	74.7		74.7	Không trúng tuyển	
159	AV1	Huỳnh Hoàng An	11/3/1987	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	75.3		75.3	Không trúng tuyển	
160	AV1	Bùi Ý Thư	05/8/2000	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	77.0		77.0	Không trúng tuyển	
161	AV1	Huỳnh Thị Uyên Thi	27/8/1981	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	77.3		77.3	Không trúng tuyển	
162	AV1	Huỳnh Ngọc Kim Ngân	22/10/1988	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	78.0		78.0	Không trúng tuyển	
163	AV1	Lê Hồng Ngọc	02/5/1998	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	79.0		79.0	Trúng tuyển	
164	AV1	Nguyễn Thị Trinh	24/4/1994	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	78.7		78.7	Không trúng tuyển	
165	AV1	Nguyễn Hùng Gia Phi	18/01/1997	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	84.3		84.3	Không trúng tuyển	
166	AV1	Vương Gia Bảo	19/6/1998	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	85.0		85.0	Trúng tuyển	
167	AV1	Đỗ Thị Thu Hiền	04/4/1997	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	87.0		87.0	Trúng tuyển	
168	AV1	Dương Hạnh Nguyễn	27/11/1995	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	88.3		88.3	Trúng tuyển	
169	AV1	Nguyễn Thị Ngọc Hân	15/5/1992	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai				Vắng	
170	AV1	Đàm Thùy Trang	05/8/2000	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai				Vắng	
171	AV1	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	07/3/2000	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai				Vắng	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
172	AV1	Đào Ngọc Trúc	24/6/1989	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai				Vắng	
173	AV1	Nguyễn Thị Thảo Vi	20/10/1997	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ				Vắng	
174	AV1	Lê Thị Hoàng Yén	11/12/1989	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai				Vắng	
175	TH 6	Phạm Thị Thanh Xuân	25/12/1995	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	85.0		85.0	Không trúng tuyển	
176	TH 6	Nguyễn Thị Xuân Huyền	14/5/2000	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	78.3		78.3	Không trúng tuyển	
177	TH 6	Đoàn Vũ Thanh Tuyền	05/12/1988	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai				Vắng	
178	TH 6	Nguyễn Ái Duyên	26/8/2002	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	87.7		87.7	Không trúng tuyển	
179	TH 6	Mai Văn Minh	22/9/1988	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	76.7	5	81.7	Không trúng tuyển	Học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị
180	TH 6	Đinh Thụy Yén Nhi	27/12/1997	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai				Vắng	
181	TH 6	Nguyễn Thị Yén Nhi	02/9/2002	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	86.7		86.7	Không trúng tuyển	
182	TH 6	Nguyễn Hoàng Vạn Hạnh	06/8/1999	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	75.0		75.0	Không trúng tuyển	
183	TH 6	Nguyễn Thị Trà My	10/11/1994	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai				Vắng	
184	TH 6	Võ Thị Thúy Hằng	25/6/2001	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	90.0		90.0	Trúng tuyển	
185	TH 6	Nguyễn Thị Oanh Nguyệt	25/6/2002	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai				Vắng	
186	TH 6	Hồ Thị Mỹ Giang	26/8/2002	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	80.3		80.3	Không trúng tuyển	
187	TH 6	Đỗ Thị Nga	15/3/1993	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	90.0		90.0	Trúng tuyển	
188	TH 6	Trần Thiên Ân	02/12/2001	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	80.0		80.0	Không trúng tuyển	
189	TH 6	Nguyễn Thảo Linh	18/9/1992	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai				Vắng	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
190	TH 6	Trần Thị Thanh Nạn	01/8/1998	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	76.7		76.7	Không trúng tuyển	
191	TH 6	Nguyễn Ngọc Huỳnh	07/3/2002	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	84.7		84.7	Không trúng tuyển	
192	TH 6	Nay H' Rưn	02/8/2001	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai				Vắng	
193	TH 6	Nguyễn Thị Thanh Lam	05/5/2002	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai				Vắng	
194	TH 6	Dương Chí	13/9/2002	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	82.7		82.7	Không trúng tuyển	
195	TH 6	Võ Gia Hương	11/3/2002	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	86.0		86.0	Không trúng tuyển	
196	TH 6	Nguyễn Thị Huế	16/9/2002	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai				Vắng	
197	TH 6	Võ Kim Minh Thư	25/10/2002	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai				Vắng	
198	TH 6	Nguyễn Lê Hoàng Dung	20/11/1992	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai				Vắng	
199	TH 6	Mông Thị Minh Thắm	20/01/2002	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	77.3	5	82.3	Không trúng tuyển	Dân tộc Nùng
200	TH 6	Nguyễn Thị Việt Hòa	12/02/1999	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	73.0	5	78.0	Không trúng tuyển	Con của người hưởng chính sách như thương binh
201	TH 6	Hoàng Thị Quỳnh Phương	22/5/2002	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai				Vắng	
202	TH 6	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	27/9/2002	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	86.3		86.3	Không trúng tuyển	
203	TH 6	Trần Thị Bé Thùy	01/7/1994	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	90.0		90.0	Trúng tuyển	
204	TH 6	Trương Nguyễn Hoàng	20/4/2002	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	89.0		89.0	Trúng tuyển	
205	TH 6	Hoàng Thị Thùy Tiên	25/12/1996	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	72.0		72.0	Không trúng tuyển	
206	TH 6	Huỳnh Như Quỳnh	24/3/2000	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai				Vắng	
207	TH 6	Lương Thanh Tuyền	24/7/2000	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	85.0		85.0	Không trúng tuyển	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
208	TH 6	Nguyễn Thị Mỹ Linh	05/8/2002	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	79.0		79.0	Không trúng tuyển	
209	TH 6	Nguyễn Phương Trang	28/6/1997	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	80.0		80.0	Không trúng tuyển	
210	TH 6	Trần Phạm Nhã Uyên	14/02/1983	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	81.0		81.0	Không trúng tuyển	
211	TH 6	Đinh Thị Mỹ Linh	15/4/2002	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai				Vắng	
212	TH 6	Phạm Thúy Hường	16/7/2001	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	76.0		76.0	Không trúng tuyển	
213	TH 6	Lê Bảo Ngọc Uyên	25/3/2002	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	79.0		79.0	Không trúng tuyển	
214	TH 6	Phạm Thị Diễm Quỳnh	15/6/2002	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai				Vắng	
215	TH 6	Phan Thị Xa Đét Hai	03/9/2002	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai				Vắng	
216	TH 5	Phạm Thị Mỹ Kiều	15/11/1979	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	70.0		70.0	Không trúng tuyển	
217	TH 5	Nguyễn Thị Mỹ Tuyền	20/3/2001	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	78.0		78.0	Không trúng tuyển	
218	TH 5	Lê Thị Thúy Hằng	21/3/2000	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	79.0		79.0	Không trúng tuyển	
219	TH 5	Nguyễn Ngọc Diệp	30/6/1999	Trường Tiểu học Bành Văn Trân				Vắng	
220	TH 5	Nguyễn Thị Thùy Dương	15/6/1982	Trường Tiểu học Cách Mạng Tháng Tám				Vắng	
221	TH 5	Nguyễn Bá Minh Hà	10/11/1978	Trường Tiểu học Bành Văn Trân				Vắng	
222	TH 5	Bùi Thụy Hoa	16/01/2001	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	79.0		79.0	Không trúng tuyển	
223	TH 5	Nguyễn Thị Thảo Chinh	11/7/1996	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	80.0		80.0	Không trúng tuyển	
224	TH 5	Phạm Ngọc Hà My	26/5/1987	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	81.0		81.0	Không trúng tuyển	
225	TH 5	Huỳnh Thanh Hùng	27/4/1990	Trường Tiểu học Bành Văn Trân	70.0		70.0	Không trúng tuyển	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
226	TH 5	Nguyễn Thị Thanh	30/4/1990	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	81.0		81.0	Không trúng tuyển	
227	TH 5	Võ Nguyễn Ánh	19/02/2002	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	82.0		82.0	Không trúng tuyển	
228	TH 5	Nguyễn Việt	22/9/2000	Trường Tiểu học Bành Văn Trân				Vắng	
229	TH 5	Văn Vương Mỹ	12/3/2002	Trường Tiểu học Bành Văn Trân				Vắng	
230	TH 5	Lê Thị Ngọc	04/7/1999	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	82.0		82.0	Không trúng tuyển	
231	TH 5	Trương Thụy Thùy	09/12/1999	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	82.0		82.0	Không trúng tuyển	
232	TH 5	Nguyễn Thị Minh	10/8/1980	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	79.0	5	84.0	Không trúng tuyển	Con thương binh.
233	TH 5	Nguyễn Lê Hào	27/7/2002	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	86.0		86.0	Trúng tuyển	
234	TH 5	Trần Đỗ Ngọc	13/3/2002	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	87.7		87.7	Trúng tuyển	
235	TH 5	Trương Thị Minh	22/12/2002	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa				Vắng	
236	TH 5	Trương Trần	17/12/1996	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa				Vắng	
237	TH 5	Nguyễn Phương	09/5/2002	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa				Vắng	
238	TH 5	Nguyễn Thị Hồng	18/7/2000	Trường Tiểu học Bành Văn Trân	86.0	5	91.0	Trúng tuyển	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
239	TH 5	Đỗ Thị Ánh	07/5/2002	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa				Vắng	
240	TH 5	Bích Thị Quỳnh	01/02/1993	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa				Vắng	
241	TH 5	Phạm Nguyễn Phương	22/3/1985	Trường Tiểu học Bành Văn Trân	80.0		80.0	Không trúng tuyển	
242	TH 5	Trần Thị Cẩm	03/01/1997	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa				Vắng	
243	TH 5	Đàm Thị Thu	12/4/2002	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa				Vắng	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
244	TH 5	Lê Hồng	24/6/2002	Trường Tiểu học Cách Mạng Tháng Tám	88.0		88.0	Trúng tuyển	
245	TH 5	Nguyễn Thị Trang	10/3/1993	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa				Vắng	
246	TH 5	Đoàn Lê Ngọc Vân	15/01/1986	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa				Vắng	
247	TH 4	Phan Thị Tâm Anh	20/9/1997	Trường Tiểu học Phan Huy Ích				Vắng	
248	TH 4	Võ Thị Vân Anh	06/12/2001	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	77.7	5	82.7	Trúng tuyển	Con thương binh
249	TH 4	Dương Thị Ngọc Ánh	21/5/2000	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	68.3		68.3	Không trúng tuyển	
250	TH 4	Hoàng Diễm	27/8/1991	Trường Tiểu học Phan Huy Ích				Vắng	
251	TH 4	Nguyễn Ngọc Dung	03/12/1996	Trường Tiểu học Phan Huy Ích				Vắng	
252	TH 4	Nguyễn Ngọc Hân	20/5/1982	Trường Tiểu học Phan Huy Ích				Vắng	
253	TH 4	Nguyễn Trần Ngọc Hạnh	02/8/1989	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	62.7		62.7	Không trúng tuyển	
254	TH 4	Nguyễn Thị Hải Hậu	04/4/2002	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	69.3		69.3	Không trúng tuyển	
255	TH 4	Nguyễn Thị Thu Hoài	20/02/2001	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	64.7		64.7	Không trúng tuyển	
256	TH 4	Lê Thị Hồng	02/01/1994	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	66.7		66.7	Không trúng tuyển	
257	TH 4	Đỗ Thị Dạ Lý	01/8/1985	Trường Tiểu học Phan Huy Ích				Vắng	
258	TH 4	Phan Tuyết Nhi	19/12/2000	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	68.0		68.0	Không trúng tuyển	
259	TH 4	Vũ Thị Hồng Nhung	26/9/2002	Trường Tiểu học Phan Huy Ích				Vắng	
260	TH 4	Nguyễn Thị Kiều Oanh	30/6/2002	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	66.3		66.3	Không trúng tuyển	
261	TH 4	Hoàng Thị Phụng	10/6/1987	Trường Tiểu học Phan Huy Ích				Vắng	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
262	TH 4	Vũ Thị Minh	13/01/1984	Trường Tiểu học Phan Huy Ích				Vắng	
263	TH 4	Phạm Ngọc	11/9/2002	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	66.0		66.0	Không trúng tuyển	
264	TH 4	Trần Ngọc Thiên	06/7/2002	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	67.0		67.0	Không trúng tuyển	
265	TH 4	Dương Thu	03/8/2001	Trường Tiểu học Phan Huy Ích				Vắng	
266	TH 4	Hà Thị Xuân	01/12/1991	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	79.7		79.7	Trúng tuyển	
267	TH 4	Hồ Thị Phương	16/11/2002	Trường Tiểu học Phan Huy Ích				Vắng	
268	TH 4	Ngô Thanh	01/02/2001	Trường Tiểu học Phan Huy Ích				Vắng	
269	TH 4	Võ Thị Thanh	01/01/1996	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	62.0		62.0	Không trúng tuyển	
270	TH 4	Lê Thị Anh	23/4/2002	Trường Tiểu học Phan Huy Ích				Vắng	
271	TH 4	Nguyễn Thị	05/02/2002	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	62.7		62.7	Không trúng tuyển	
272	TH 4	Nguyễn Thị	23/9/2002	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	77.7		77.7	Trúng tuyển	
273	TH 4	Trà Thị Hồng	10/4/1994	Trường Tiểu học Phan Huy Ích				Vắng	
274	TH 4	Lê Thị	18/02/2002	Trường Tiểu học Phan Huy Ích				Vắng	
275	TH 4	Nguyễn Thị Diệp	07/02/1981	Trường Tiểu học Phan Huy Ích				Vắng	
276	TH 4	Nguyễn Thị Thanh	04/12/2001	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	69.0		69.0	Không trúng tuyển	
277	TH 4	Nguyễn Thị Bích	02/4/1990	Trường Tiểu học Phan Huy Ích				Vắng	
278	TH 4	Tôn Thị Tường	04/03/1985	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	64.3		64.3	Không trúng tuyển	
279	TH 4	Phạm Tường	26/4/2002	Trường Tiểu học Phan Huy Ích				Vắng	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
280	TH 4	Đỗ Như Ý	30/7/1997	Trường Tiểu học Phan Huy Ích				Vắng	
281	TH 3	Hồ Diệp Anh	20/4/1999	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	67.7		67.7	Không trúng tuyển	
282	TH 3	Bùi Thị Kiều Dương	24/02/2002	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm				Vắng	
283	TH 3	Trần Thị Trúc Giang	27/8/1999	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền				Vắng	
284	TH 3	Lại Thị Thu Hà	24/11/2002	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm				Vắng	
285	TH 3	Hồ Thị Cảnh Hằng	09/11/1997	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	60.3		60.3	Không trúng tuyển	
286	TH 3	Lê Thị Mỹ Hạnh	06/02/1988	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	71.0		71.0	Không trúng tuyển	
287	TH 3	Đỗ Thị Tuyết Hiếu	05/7/1994	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	72.3		72.3	Không trúng tuyển	
288	TH 3	Trần Thị Thu Huyền	10/12/1997	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	75.0		75.0	Không trúng tuyển	
289	TH 3	Tiền Liên Kim	02/3/1995	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	71.7	5	76.7	Không trúng tuyển	Dân tộc Hoa
290	TH 3	Phạm Lê Ngọc Lan	27/5/2002	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	76.0		76.0	Không trúng tuyển	
291	TH 3	Vũ Nguyễn An Lành	29/3/2002	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	61.3		61.3	Không trúng tuyển	
292	TH 3	Nguyễn Trương Hiền Linh	22/01/1997	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm				Vắng	
293	TH 3	Phan Huỳnh Nhật Linh	01/8/1994	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm				Vắng	
294	TH 3	Nguyễn Thu Long	25/8/2001	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	61.3		61.3	Không trúng tuyển	
295	TH 3	Bùi Thị Khánh Ly	02/5/2001	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	85.3		85.3	Trúng tuyển	
296	TH 3	Bùi Thị Thiên Nga	30/01/2001	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	65.0		65.0	Không trúng tuyển	
297	TH 3	Trương Kim Ngân	06/01/2001	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	88.7		88.7	Trúng tuyển	

STT	Mã vị trí đự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
298	TH 3	Nguyễn Tiên Thảo	Nhi	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm				Vắng	
299	TH 3	Phạm Thị Thanh	Nhi	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	62.3		62.3	Không trúng tuyển	
300	TH 3	Trần Huỳnh Hương	Phúc	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	79.7	5	84.7	Không trúng tuyển	Dân tộc Hoa
301	TH 3	Mai Thị Diễm	Quỳnh	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	62.0		62.0	Không trúng tuyển	
302	TH 3	Lâm Phát Từ	Sam	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	86.7		86.7	Trúng tuyển	
303	TH 3	Từ Phương	Tâm	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm				Vắng	
304	TH 3	Bùi Thị	Thảo	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	79.0		79.0	Không trúng tuyển	
305	TH 3	Nguyễn Thị Thạch	Thảo	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển				Vắng	
306	TH 3	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển				Vắng	
307	TH 3	Đỗ Thị	Thùy	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	79.3		79.3	Không trúng tuyển	
308	TH 3	Trần Quốc	Toàn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	61.7		61.7	Không trúng tuyển	
309	TH 3	Phan Thị Diễm	Trần	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	94.0		94.0	Trúng tuyển	
310	TH 3	Dương Từ	Trung	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	78.7	5	83.7	Không trúng tuyển	Dân tộc Hoa
311	TH 3	Phan Anh	Tú	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	71.7		71.7	Không trúng tuyển	
312	TH 3	Huỳnh Thanh	Tuyển	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	65.0		65.0	Không trúng tuyển	
313	TH 3	Trịnh Ngọc Thảo	Vĩ	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	76.7	5	81.7	Trúng tuyển	Con bệnh binh
314	TH 3	Bùi Kim	Vy	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	62.3		62.3	Không trúng tuyển	
315	TH 3	Nguyễn Thị Thanh	Vy	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	65.3		65.3	Không trúng tuyển	

STT	Mã vị trí đự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
316	TH 3	Nguyễn Thị Thanh Xuân	13/4/1998	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	78.3		78.3	Không trúng tuyển	
317	TH 2	Nguyễn Thị Thùy An	19/3/2001	Trường Tiểu học Lạc Long Quân				Vắng	
318	TH 2	Văn Thị Ngọc Dung	09/8/2002	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	81.7		81.7	Trúng tuyển	
319	TH 2	Võ Thùy Dung	25/02/2002	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	60.8		60.8	Không trúng tuyển	
320	TH 2	Huỳnh Thị Ngoan Em	30/10/1993	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	55.5		55.5	Không trúng tuyển	
321	TH 2	Lâm Sang Giàu	18/8/1994	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	62.2	5	67.2	Không trúng tuyển	Dân tộc Hoa
322	TH 2	Nguyễn Gia Huy	02/4/1999	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	85.0		85.0	Trúng tuyển	
323	TH 2	Lê Thanh Huyền	02/9/1987	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	84.7		84.7	Trúng tuyển	
324	TH 2	Trần Thị Liên	19/6/2002	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	51.2		51.2	Không trúng tuyển	
325	TH 2	Trần Thị Huyền Linh	20/5/2002	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	75.3		75.3	Không trúng tuyển	
326	TH 2	Vũ Nguyễn Thùy Linh	04/11/2002	Trường Tiểu học Bình Giả	58.2		58.2	Không trúng tuyển	
327	TH 2	Nguyễn Đỗ Kim Ngân	04/3/2002	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	62.3		62.3	Không trúng tuyển	
328	TH 2	Tô Thị Bích Ngọc	07/9/1997	Trường Tiểu học Bình Giả	84.3		84.3	Trúng tuyển	
329	TH 2	Vương Kim Ngọc	21/01/1998	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi				Vắng	
330	TH 2	Trần Thị Thảo Nguyên	31/3/2002	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	61.8		61.8	Không trúng tuyển	
331	TH 2	Trương Quang Nguyên	13/10/1983	Trường Tiểu học Lạc Long Quân				Vắng	
332	TH 2	Đặng Ngọc Nhi	08/12/2002	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	51.8	5	56.8	Không trúng tuyển	Dân tộc Hoa
333	TH 2	Huỳnh Hiếu Nhi	05/01/2001	Trường Tiểu học Lạc Long Quân				Vắng	
334	TH 2	Phạm Hồng Yến Nhi	19/8/1987	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	60.0		60.0	Không trúng tuyển	
335	TH 2	Phan Thị Lan Nhi	13/8/2001	Trường Tiểu học Bình Giả	85.7		85.7	Trúng tuyển	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
336	TH 2	Phan Thị Tâm	07/9/2002	Trường Tiểu học Bình Giả	60.5		60.5	Không trúng tuyển	
337	TH 2	Lê Minh	10/7/2002	Trường Tiểu học Bình Giả	64.5		64.5	Không trúng tuyển	
338	TH 2	Trần Ngọc Sang	22/12/2001	Trường Tiểu học Bình Giả				Vắng	
339	TH 2	Nguyễn Phương Thanh	03/4/1997	Trường Tiểu học Bình Giả				Vắng	
340	TH 2	Phạm Thị Thanh	08/10/1996	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	58.0		58.0	Không trúng tuyển	
341	TH 2	Hoàng Lê Thanh	22/5/1999	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	57.0		57.0	Không trúng tuyển	
342	TH 2	Lý Bảo Thi	25/7/1981	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	54.0		54.0	Không trúng tuyển	
343	TH 2	Hứa Minh Thư	14/7/2002	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	62.5	5	67.5	Không trúng tuyển	Dân tộc Hoa
344	TH 2	Phạm Thanh	20/9/1994	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	61.3		61.3	Không trúng tuyển	
345	TH 2	Nguyễn Hoàng Thùy Tiên	23/9/2002	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	55.3		55.3	Không trúng tuyển	
346	TH 2	Nguyễn Đình Toàn	28/7/1997	Trường Tiểu học Bình Giả	61.0		61.0	Không trúng tuyển	
347	TH 2	Lương Ngọc Trâm	23/01/2000	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	87.7		87.7	Trúng tuyển	
348	TH 2	Nguyễn Thị Huyền Trang	02/01/2002	Trường Tiểu học Bình Giả	53.7		53.7	Không trúng tuyển	
349	TH 2	Nguyễn Thị Huyền Trang	23/8/2001	Trường Tiểu học Bình Giả	62.3		62.3	Không trúng tuyển	
350	TH 2	Mai Lê Phương Trinh	13/02/2002	Trường Tiểu học Bình Giả	88.0		88.0	Trúng tuyển	
351	TH 2	Nguyễn Nhã Trúc	08/5/1987	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	58.7		58.7	Không trúng tuyển	
352	TH 2	Lê Thị Vân	06/9/1998	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	85.0		85.0	Trúng tuyển	
353	TH 1	Hoàng Thị Phương Anh	17/8/1997	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	85.7		85.7	Trúng tuyển	
354	TH 1	Nguyễn Văn Anh	28/10/2002	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ				Vắng	
355	TH 1	Vũ Nguyễn Phương Anh	06/7/2001	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	84.7		84.7	Trúng tuyển	
356	TH 1	Nguyễn Thị Ánh	30/9/2000	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ				Vắng	
357	TH 1	Trần Thị Xuân Chi	28/6/1990	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	74.3		74.3	Không trúng tuyển	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
358	TH 1	Hoàng Thị Dương	12/01/2001	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	66.7		66.7	Không trúng tuyển	
359	TH 1	Danh Ngọc Giàu	01/9/2002	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	70.3	5	75.3	Không trúng tuyển	Dân tộc Khmer
360	TH 1	Lê Thị Mỹ Hằng	23/11/2002	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	73.0		73.0	Không trúng tuyển	
361	TH 1	Lê Thu Hiền	22/11/1996	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	75.0		75.0	Không trúng tuyển	
362	TH 1	Phan Thị Thùy Linh	06/9/2001	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	66.3		66.3	Không trúng tuyển	
363	TH 1	Trần Thanh Loan	28/4/1993	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	62.7		62.7	Không trúng tuyển	
364	TH 1	Mơ Ly Ly	18/01/2002	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	68.0	5	73.0	Không trúng tuyển	Dân tộc Cơ Ho
365	TH 1	Nguyễn Thị Thu Ngân	08/10/2000	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	68.3		68.3	Không trúng tuyển	
366	TH 1	Nguyễn Lê Mỹ Ngọc	04/8/1997	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	65.7		65.7	Không trúng tuyển	
367	TH 1	Lê Huỳnh Như	05/11/2002	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	68.0		68.0	Không trúng tuyển	
368	TH 1	Lê Trương Hồng Phúc	15/6/1996	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	73.3		73.3	Không trúng tuyển	
369	TH 1	Phan Nguyễn Nam Phương	28/3/1997	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	81.0		81.0	Trúng tuyển	
370	TH 1	Thạch Hồ Thị Tuyết Phương	01/6/1999	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	65.0	5	70.0	Không trúng tuyển	Dân tộc Khmer
371	TH 1	Ngô Ngọc Mỹ Quyên	05/01/2001	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	68.0		68.0	Không trúng tuyển	
372	TH 1	Trần Đặng Mỹ Tâm	02/9/2002	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	78.7		78.7	Không trúng tuyển	
373	TH 1	Giáp Phương Thảo	19/7/2001	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	72.7		72.7	Không trúng tuyển	
374	TH 1	Nguyễn Thị Quý Thảo	04/10/1993	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	79.7		79.7	Không trúng tuyển	
375	TH 1	Tiểu Mộng Thảo	25/01/2000	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	76.0		76.0	Không trúng tuyển	
376	TH 1	Nguyễn Thị Minh Thư	16/3/2002	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	75.3		75.3	Không trúng tuyển	
377	TH 1	Phạm Nguyễn Minh Thư	01/6/2002	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	85.7		85.7	Trúng tuyển	
378	TH 1	Vũ Hoàng Anh Thư	09/5/2001	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	69.0		69.0	Không trúng tuyển	
379	TH 1	Trần Thị Cẩm Thúy	19/6/2002	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	70.0		70.0	Không trúng tuyển	
380	TH 1	Phan Thị Thùy Tiên	10/3/1993	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	73.0		73.0	Không trúng tuyển	
381	TH 1	Võ Thị Mỹ Tiên	16/01/2002	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	74.3		74.3	Không trúng tuyển	
382	TH 1	Trần Nguyễn Bảo Trâm	08/8/2002	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	73.3		73.3	Không trúng tuyển	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
383	TH 1	Nguyễn Ngọc Huyền	Trần	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ				Vắng	
384	TH 1	Quách Huỳnh Cẩm	Trúc	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	68.0		68.0	Không trúng tuyển	
385	TH 1	Bùi Thị Ánh	Tuyết	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	75.3		75.3	Không trúng tuyển	
386	TH 1	Lương Thị Thanh	Xuân	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ				Vắng	
387	TH 1	Diệp Phụng	Yến	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	69.0	5	74.0	Không trúng tuyển	Dân tộc Hoa
388	TH 1	Lưu Yến	Yến	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ				Vắng	
389	TH 1	Vũ Thị	Yến	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	73.0	5	78.0	Không trúng tuyển	Con thương binh
390	CN	Dương Thị	Lệ	Trường THCS Ngô Quyền	83.0		83.0	Trúng tuyển	
391	TH	Trần Võ Khôi	Nguyễn	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều				Vắng	
392	TH	Nguyễn Mỹ	Luyến	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	86.0		86.0	Trúng tuyển	
393	TH	Huỳnh Hoàng	Ngân	Trường THCS Âu Lạc				Vắng	
394	TH	Thiếu Quang	Vinh	Trường THCS Âu Lạc				Vắng	
395	TH	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Trường THCS Âu Lạc	83.0		83.0	Trúng tuyển	
396	TH	Trương Thị Thanh	Thảo	Trường THCS Ngô Quyền	83.7		83.7	Không trúng tuyển	
397	TH	Đoàn Thị	Tâm	Trường THCS Ngô Quyền	80.0		80.0	Không trúng tuyển	
398	TH	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Trường THCS Ngô Quyền	86.0		86.0	Trúng tuyển	
399	TH	Phạm Thị Kim	Liên	Trường THCS Ngô Quyền				Vắng	
400	TH	Trần Hoàng Tú	Anh	Trường THCS Trường Chinh	49.0		49.0	Không trúng tuyển	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự
401	TPT	Nguyễn Trọng	Hữu	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	88.3	2.5	90.8	Trúng tuyển	
402	TPT	Huỳnh Tấn	Tài	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	33.0		33.0	Không trúng tuyển	
403	TPT	Phạm Quốc	Vinh	Trường THCS Trần Văn Quang	68.0		68.0	Trúng tuyển	
404	TPT	Nguyễn Ngô Duy	Khánh	Trường THCS Hoàng Hoa Thám				Vắng	
405	AN	Quách Cẩm	Linh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	80.7		80.7	Không trúng tuyển	
406	AN	Nguyễn Tân	Bình	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	81.7		81.7	Trúng tuyển	
407	AN	Hồ Nguyễn Nam	Phương	Trường THCS Tân Bình				Vắng	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
408	AN	Phạm Văn Dũng	10/5/1990	Trường THCS Tân Bình	80.0		80.0	Trúng tuyển	
409	AN	Đỗ Khắc Minh Tuấn	23/10/1980	Trường THCS Tân Bình	87.7		87.7	Trúng tuyển	
410	AN	Phạm Duy Vũ	03/3/1986	Trường THCS Tân Bình	48.0		48.0	Không trúng tuyển	
411	AN	Nguyễn Hoàng Ai My	07/4/2001	Trường THCS Tân Bình	78.3		78.3	Trúng tuyển	
412	AN	Võ Minh Luân	24/8/1984	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	88.0		88.0	Trúng tuyển	
413	TD	Phan Văn Tiến	10/02/1991	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	67.0		67.0	Trúng tuyển	
414	TD	Phan Phúc Định	03/8/1982	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	64.0		64.0	Không trúng tuyển	
415	TD	Phạm Lê Anh Hào	01/5/2001	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	65.0		65.0	Không trúng tuyển	
416	TD	Lê Thành Đạt	17/3/2001	Trường THCS Lý Thường Kiệt	66.0		66.0	Trúng tuyển	
417	TD	Lê Văn Hiệp	12/10/1998	Trường THCS Trần Văn Quang	55.0		55.0	Không trúng tuyển	
418	TD	Nguyễn Hà Việt	23/10/1981	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
419	TD	Đinh Văn Tân	25/5/1999	Trường THCS Trần Văn Quang	61.0		61.0	Trúng tuyển	
420	TD	Nguyễn Thành Đạt	02/12/1998	Trường THCS Ngô Quyền				Vắng	
421	TD	Phạm Minh Sang	03/6/2001	Trường THCS Ngô Quyền	68.0		68.0	Trúng tuyển	
422	TD	Đặng Thế Hải	29/3/2000	Trường THCS Ngô Quyền				Vắng	
423	TD	Bùi Thủy Tiên	18/12/2002	Trường THCS Ngô Quyền	67.0		67.0	Trúng tuyển	
424	TD	Mai Quốc Huy	19/9/2000	Trường THCS Ngô Quyền	59.0		59.0	Không trúng tuyển	
425	TD	Trần Huỳnh Duy	18/10/1996	Trường THCS Ngô Quyền	58.0	2.5	60.5	Không trúng tuyển	Người hoàn thành NVQS
426	TD	Đỗ Công Sơn	11/5/1994	Trường THCS Ngô Quyền	57.0		57.0	Không trúng tuyển	
427	TD	Lưu Phúc Đức	07/01/2000	Trường THCS Ngô Quyền				Vắng	
428	TD	Nguyễn Thanh Danh	03/11/1999	Trường THCS Ngô Quyền				Vắng	
429	TD	Trần Thị Mỹ Linh	15/3/1999	Trường THCS Ngô Quyền	55.0		55.0	Không trúng tuyển	
430	TD	Nguyễn Trí Tân	25/11/2002	Trường THCS Ngô Quyền				Vắng	
431	AV2	Phạm Đoan Anh	22/12/1997	Trường THCS Võ Văn Tần				Vắng	
432	AV2	Phan Nguyễn Ngọc Anh	07/12/2000	Trường THCS Võ Văn Tần	51.7		51.7	Không trúng tuyển	
433	AV2	Trần Thị Vân Anh	21/6/1990	Trường THCS Võ Văn Tần				Vắng	

STT	Mã vị trí đự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
434	AV2	Đặng Nhưt Hiếu	22/10/2002	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
435	AV2	Nguyễn Hoàng Thùy	22/6/2001	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	81.0		81.0	Trúng tuyển	
436	AV2	Nguyễn Anh	21/4/2001	Trường THCS Trần Văn Quang	77.3		77.3	Trúng tuyển	
437	AV2	Lê Ngọc Quỳnh	14/10/2000	Trường THCS Võ Văn Tần				Vắng	
438	AV2	Phan Thị Thái	25/01/2002	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
439	AV2	Nguyễn Xuân Minh	21/7/2001	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
440	AV2	Lê Nguyễn Ngọc	30/6/2000	Trường THCS Trần Văn Quang	58.0		58.0	Không trúng tuyển	
441	AV2	Nguyễn Ngọc	09/5/2001	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	49.3		49.3	Không trúng tuyển	
442	AV2	Phạm Hồng	20/7/1995	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	52.7		52.7	Không trúng tuyển	
443	AV2	Trần Việt	23/3/1972	Trường THCS Trần Văn Quang	32.7		32.7	Không trúng tuyển	
444	AV2	Nguyễn Quế	17/11/1998	Trường THCS Võ Văn Tần				Vắng	
445	AV2	Nguyễn Duy	30/11/2000	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch				Vắng	
446	AV2	Đặng Đình	06/7/2000	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	63.0		63.0	Không trúng tuyển	
447	AV2	Trần Phan Hương	29/10/1999	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch				Vắng	
448	AV2	Nguyễn Thị Tuyết	30/8/1992	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch				Vắng	
449	AV2	Nguyễn Phương	06/5/2001	Trường THCS Võ Văn Tần	80.0		80.0	Trúng tuyển	
450	AV2	Bùi Cao Bảo	26/6/2000	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
451	AV2	Nguyễn Phạm Khánh	01/10/2002	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch				Vắng	
452	AV2	Trần Thanh	25/11/1999	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
453	AV2	Nguyễn Thị Kim Quý	13/10/1998	Trường THCS Trần Văn Quang	48.3		48.3	Không trúng tuyển	
454	AV2	Phạm Văn Sơn	24/11/1978	Trường THCS Trần Văn Quang	32.7		32.7	Không trúng tuyển	
455	AV2	Nguyễn Thị Thắm	06/12/1995	Trường THCS Trần Văn Quang	51.3		51.3	Không trúng tuyển	
456	AV2	Trương Hồ Minh Thắng	26/9/2002	Trường THCS Võ Văn Tần	73.0		73.0	Không trúng tuyển	
457	AV2	Nguyễn Thị Phương Thoa	02/8/2002	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	45.7		45.7	Không trúng tuyển	
458	AV2	Trương Thị Thanh Thủy	25/4/1978	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch				Vắng	
459	AV2	Nguyễn Thị Thanh Trà	15/02/1993	Trường THCS Võ Văn Tần	50.0		50.0	Không trúng tuyển	
460	AV2	Đinh Thị Thùy Trang	16/10/1988	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	73.7		73.7	Không trúng tuyển	
461	AV1	Hoàng Kiều Chi	25/5/1994	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	64.0		64.0	Không trúng tuyển	
462	AV1	Nguyễn Thị Ngọc Hải	23/4/1997	Trường THCS Ngô Sĩ Liên				Vắng	
463	AV1	Lê Thị Hạnh	16/4/1985	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	55.3		55.3	Không trúng tuyển	
464	AV1	Nguyễn Hồng Hạnh	20/5/1997	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	79.3		79.3	Không trúng tuyển	
465	AV1	Nguyễn Phạm Quỳnh Hoa	10/01/2000	Trường THCS Ngô Sĩ Liên				Vắng	
466	AV1	Phạm Thị Thu Huệ	25/8/1998	Trường THCS Trần Văn Đang	67.3		67.3	Trúng tuyển	
467	AV1	Nguyễn Quốc Hưng	07/10/2002	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	58.3		58.3	Không trúng tuyển	
468	AV1	Huỳnh Minh Khôi	12/6/1999	Trường THCS Ngô Sĩ Liên				Vắng	
469	AV1	Cao Nguyễn Diệu Linh	10/5/1999	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	81.3		81.3	Không trúng tuyển	
470	AV1	Nguyễn Thị Mỹ Linh	01/3/2002	Trường THCS Ngô Sĩ Liên				Vắng	
471	AV1	Trần Thị Kiều Loan	15/11/1996	Trường THCS Ngô Sĩ Liên				Vắng	
472	AV1	Nguyễn Thị Tiểu My	08/11/1999	Trường THCS Ngô Sĩ Liên				Vắng	
473	AV1	Huỳnh Nguyễn Nhật Nam	27/9/2000	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	73.3		73.3	Không trúng tuyển	
474	AV1	Trịnh Hồng Ngọc	06/8/1989	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	67.3		67.3	Không trúng tuyển	
475	AV1	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	30/10/1995	Trường THCS Ngô Sĩ Liên				Vắng	
476	AV1	Lê Trần Thiên Phúc	08/12/1993	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	51.7		51.7	Không trúng tuyển	
477	AV1	Nguyễn Hoàng Lâm Phương	10/9/2002	Trường THCS Ngô Sĩ Liên				Vắng	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
478	AV1	Nguyễn Thanh Sơn	16/3/1998	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	78.3		78.3	Không trúng tuyển	
479	AV1	Trần Ngọc Tân	25/7/1999	Trường THCS Ngô Sĩ Liên				Vắng	
480	AV1	Nguyễn Thị Thảo	21/9/1987	Trường THCS Ngô Sĩ Liên				Vắng	
481	AV1	Nguyễn Thị Hoài Thương	20/10/1995	Trường THCS Trần Văn Đang	65.0		65.0	Không trúng tuyển	
482	AV1	Đỗ Bùi Thanh Thúy	07/01/1998	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	72.7		72.7	Không trúng tuyển	
483	AV1	Trần Thị Thủy	07/02/1979	Trường THCS Ngô Sĩ Liên				Vắng	
484	AV1	Nguyễn Minh Tiến	06/12/2000	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	62.0		62.0	Không trúng tuyển	
485	AV1	Nguyễn Viết Tín	22/9/2002	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	74.0		74.0	Không trúng tuyển	
486	AV1	Cao Ngọc Phương Uyên	05/9/1996	Trường THCS Ngô Sĩ Liên				Vắng	
487	AV1	Lâm Phương Uyên	11/6/1994	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	52.7	5	57.7	Không trúng tuyển	Con thương binh
488	AV1	Ngô Hoàng Anh Vy	12/3/1999	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	83.3		83.3	Trúng tuyển	
489	AV1	Lê Thị Trinh Thắm	16/01/1997	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	71.0		71.0	Trúng tuyển	Ngoại ngữ: tiếng Pháp
490	Đ	Chamalé Công An	30/4/2002	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	64.0	5	69.0	Trúng tuyển	Dân tộc Raglai
491	Đ	Nguyễn Thị Linh Chi	08/12/2001	Trường THCS Tân Bình	84.0		84.0	Trúng tuyển	
492	Đ	Trần Ngọc Thùy Dương	31/7/2002	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều				Vắng	
493	Đ	Nguyễn Thị Thu Hiền	21/12/1998	Trường THCS Ngô Sĩ Liên				Vắng	
494	Đ	Trần Hoàng Lâm	19/11/2002	Trường THCS Tân Bình				Vắng	
495	Đ	Phạm Thị Hồng Loan	21/6/1999	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	82.0		82.0	Trúng tuyển	
496	Đ	Lê Hữu Lợi	27/9/1999	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều				Vắng	
497	Đ	Nguyễn Thị Hồng Mai	15/10/1997	Trường THCS Tân Bình				Vắng	
498	Đ	Trương Thị Nga	15/01/1995	Trường THCS Trần Văn Quang	81.0		81.0	Trúng tuyển	
499	Đ	Đinh Ngô Quỳnh Như	19/11/2002	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	71.0		71.0	Không trúng tuyển	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
500	Đ	Trần Thuận Ý	16/02/1997	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	80.0	5	85.0	Trúng tuyển	Dân tộc Hoa
501	Su	Hồ Ngọc Lựu	03/4/2002	Trường THCS Tân Bình				Vắng	
502	Su	Nguyễn Minh Hiệp	24/01/2002	Trường THCS Quang Trung	81.0		81.0	Trúng tuyển	
503	Su	Vũ Phạm Đức Chính	08/4/1992	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	68.7		68.7	Trúng tuyển	
504	Su	Vũ Thế Lăng	24/4/1981	Trường THCS Võ Văn Tần	76.0		76.0	Trúng tuyển	
505	Su	Lương Văn Anh	25/02/1998	Trường THCS Ngô Quyền	77.3		77.3	Trúng tuyển	
506	Su	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	11/8/2002	Trường THCS Trường Chinh	85.0		85.0	Trúng tuyển	
507	Si	Đào Thiên Ân	22/01/1997	Trường THCS Trần Văn Quang	58.3		58.3	Không trúng tuyển	
508	Si	Nguyễn Hồng Anh	17/01/2000	Trường THCS Võ Văn Tần				Vắng	
509	Si	Phạm Lê Như Anh	28/9/2002	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
510	Si	Nguyễn Hữu Dầu	07/10/1983	Trường THCS Trần Văn Quang	58.3		58.3	Không trúng tuyển	
511	Si	Phan Võ Thu Duyên	26/3/1994	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
512	Si	Trần Ngọc Hồng	22/12/1986	Trường THCS Võ Văn Tần	72.3	5	77.3	Không trúng tuyển	Dân tộc Nùng
513	Si	Trương Trí Huy	16/10/2002	Trường THCS Võ Văn Tần	72.0	5	77.0	Không trúng tuyển	Dân tộc Hoa
514	Si	Trần Dương Bích Liên	28/10/2000	Trường THCS Trần Văn Quang	60.3		60.3	Không trúng tuyển	
515	Si	Nguyễn Thị Thanh Lộc	01/6/1999	Trường THCS Trần Văn Quang	69.0		69.0	Không trúng tuyển	
516	Si	Trần Bá Lộc	01/12/2002	Trường THCS Trần Văn Quang	71.3		71.3	Không trúng tuyển	
517	Si	Phạm Nguyễn Yến Nhi	06/11/2002	Trường THCS Trần Văn Quang	63.7		63.7	Không trúng tuyển	
518	Si	Đoàn Thị Tố Nhiên	25/6/2002	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
519	Si	Dương Thành Phát	28/7/2000	Trường THCS Trần Văn Quang	68.3	5	73.3	Không trúng tuyển	Dân tộc Khmer
520	Si	Đạo Thị Ánh Phi	08/02/1993	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
521	Si	Lê Nguyễn Thanh Thảo	21/11/2002	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
522	Si	Phạm Lê Phương Thảo	06/4/2001	Trường THCS Võ Văn Tần	58.3		58.3	Không trúng tuyển	
523	Si	Đinh Thị Bích Thủy	18/11/1999	Trường THCS Võ Văn Tần	84.7		84.7	Trúng tuyển	
524	Si	Đoàn Nam Ngọc Trâm	23/4/2002	Trường THCS Trần Văn Quang	67.0		67.0	Không trúng tuyển	
525	Si	Nguyễn Thị Bích Trâm	17/4/2002	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
526	Si	Bùi Thị Cẩm Tú	24/7/2002	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
527	Si	Nguyễn Thị Thảo Vân	07/4/2002	Trường THCS Võ Văn Tần	63.3		63.3	Không trúng tuyển	
528	Si	Võ Thị Tường Vy	27/9/2002	Trường THCS Trần Văn Quang	81.0		81.0	Trúng tuyển	
529	H	Phạm Phương Bảo Châu	13/3/2002	Trường THCS Trần Văn Quang	70.3		70.3	Trúng tuyển	
530	H	Bùi Nguyễn Ngọc Hà	14/6/1997	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
531	H	Cao Thị Thu Hà	24/5/1997	Trường THCS Trần Văn Quang	59.0		59.0	Không trúng tuyển	
532	H	Nguyễn Như Hào	02/8/2002	Trường THCS Trần Văn Quang	67.5		67.5	Không trúng tuyển	
533	H	Nguyễn Minh Hiệp	24/3/2000	Trường THCS Trần Văn Quang	64.3		64.3	Không trúng tuyển	
534	H	Châu Tấn Lộc	26/9/2001	Trường THCS Trần Văn Quang	60.0	5	65.0	Không trúng tuyển	Dân tộc Hoa
535	H	Nguyễn Thị Diễm My	25/3/1997	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
536	H	Phan Thị Diệu My	07/9/1999	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
537	H	Nguyễn Thị Phương Nhi	22/5/1996	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
538	H	Huỳnh Thị Mỹ Như	14/01/2002	Trường THCS Trần Văn Quang	61.7		61.7	Không trúng tuyển	
539	H	Lê Quỳnh Như	29/3/1994	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
540	H	Nguyễn Thành Phần	12/10/1999	Trường THCS Trần Văn Quang	63.3	2.5	65.8	Không trúng tuyển	Quân nhân xuất ngũ
541	H	Đặng Trần Bảo Thắng	29/11/2002	Trường THCS Trần Văn Quang	66.0		66.0	Không trúng tuyển	
542	H	Lê Nguyễn Gia Thi	16/01/2002	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
543	H	Nguyễn Thị Yên	13/8/2001	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
544	L2	Nguyễn Quốc Bảo	04/9/1992	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	65.0		65.0	Không trúng tuyển	
545	L2	Nguyễn Thị Thùy Dung	01/01/2002	Trường THCS Tân Bình	67.0		67.0	Không trúng tuyển	
546	L2	Phạm Trương Duy	17/4/1996	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	86.0		86.0	Không trúng tuyển	
547	L2	Lê Thùy Mỹ Duyên	11/9/2002	Trường THCS Nguyễn Gia Thiệu	80.0		80.0	Không trúng tuyển	
548	L2	Nguyễn Thị Hà Giang	27/5/2001	Trường THCS Tân Bình	67.0		67.0	Không trúng tuyển	
549	L2	Nguyễn Võ Trung Hậu	22/12/2001	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	90.0		90.0	Trúng tuyển	
550	L2	Trương Thị Thanh Hiền	09/02/2002	Trường THCS Tân Bình				Vắng	
551	L2	Tạ Hoàng Anh Khoa	16/10/1996	Trường THCS Tân Bình	81.0		81.0	Không trúng tuyển	
552	L2	Huỳnh Trung Kiên	22/7/1999	Trường THCS Nguyễn Gia Thiệu				Vắng	
553	L2	Nguyễn Thị Kiều Liên	02/01/1997	Trường THCS Tân Bình				Vắng	
554	L2	Trần Ngọc Thiên Long	21/3/2000	Trường THCS Nguyễn Gia Thiệu	79.0		79.0	Không trúng tuyển	
555	L2	Nguyễn Phương Nam	12/5/1979	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	64.0		64.0	Không trúng tuyển	
556	L2	Vũ Hải Nguyên	11/11/1997	Trường THCS Nguyễn Gia Thiệu	84.0		84.0	Không trúng tuyển	
557	L2	Nguyễn Thị Huỳnh Như	30/7/2002	Trường THCS Tân Bình				Vắng	
558	L2	Lại Thị Diễm Phúc	10/6/2001	Trường THCS Nguyễn Gia Thiệu				Vắng	
559	L2	Dương Ngọc Tú Quyên	07/9/2001	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	84.0	5	89.0	Không trúng tuyển	Dân tộc Hoa
560	L2	Nguyễn Ngọc Mai Quỳnh	06/8/2000	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	64.0		64.0	Không trúng tuyển	

STT	Mã vị trí đự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
561	L2	Phạm Hồ Xuân	14/10/2002	Trường THCS Tân Bình	46.0		46.0	Không trúng tuyển	
562	L2	Trần Thị Huyền	17/01/2002	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	65.0		65.0	Không trúng tuyển	
563	L2	Nguyễn Hoàng	17/7/2002	Trường THCS Tân Bình	62.0		62.0	Không trúng tuyển	
564	L2	Phạm Thị Kim	13/12/1991	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	90.0		90.0	Trúng tuyển	
565	L2	Trần Thị An	09/12/1994	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	84.0		84.0	Không trúng tuyển	
566	L2	Nguyễn Thị	20/8/1986	Trường THCS Tân Bình	70.0		70.0	Không trúng tuyển	
567	L2	Huỳnh Thị Kim	20/4/1993	Trường THCS Tân Bình	60.0		60.0	Không trúng tuyển	
568	L2	Võ Thị Quỳnh	20/4/1997	Trường THCS Tân Bình	41.0		41.0	Không trúng tuyển	
569	L2	Hàng Quốc Huỳnh	28/12/2001	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	84.0	5	89.0	Không trúng tuyển	Dân tộc Hoa
570	L2	Nguyễn Hoàng Khả	13/7/1999	Trường THCS Tân Bình	73.0		73.0	Không trúng tuyển	
571	L2	Dương Nhật Tú	10/10/1993	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	82.0		82.0	Không trúng tuyển	
572	L2	Nguyễn Thị	13/12/1997	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	67.0		67.0	Không trúng tuyển	
573	L2	Lại Võ Kim	30/11/2002	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều				Vắng	
574	L2	Hồ Kim	16/01/2001	Trường THCS Tân Bình	90.0		90.0	Trúng tuyển	
575	L1	Nguyễn Phúc	01/8/1990	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
576	L1	Trương Thị Quỳnh	04/10/1991	Trường THCS Trần Văn Quang	46.0		46.0	Không trúng tuyển	
577	L1	Nguyễn Thị Như	12/3/1998	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
578	L1	Trần Phúc	09/4/1987	Trường THCS Trần Văn Quang	47.0		47.0	Không trúng tuyển	
579	L1	Võ Nguyễn Hà Vy	20/5/1996	Trường THCS Trần Văn Quang	47.0		47.0	Không trúng tuyển	
580	L1	Nguyễn Lê Thục	03/02/2002	Trường THCS Trần Văn Quang	48.0		48.0	Không trúng tuyển	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
581	L1	Nguyễn Thị Thanh	Lam	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
582	L1	Hoàng Trọng	Lịch	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
583	L1	Đỗ Thùy	Linh	Trường THCS Trần Văn Quang	47.0		47.0	Không trúng tuyển	
584	L1	Đoàn Thị Yến	Linh	Trường THCS Trần Văn Quang	49.0		49.0	Không trúng tuyển	
585	L1	Đặng Thị Tuyết	Mai	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
586	L1	Phạm Thị Ngọc	Mỹ	Trường THCS Trần Văn Quang	46.0		46.0	Không trúng tuyển	
587	L1	Nguyễn Văn Thành	Nam	Trường THCS Trần Văn Quang	47.0		47.0	Không trúng tuyển	
588	L1	Đinh Thị Tuyết	Ngân	Trường THCS Trần Văn Quang	48.0		48.0	Không trúng tuyển	
589	L1	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
590	L1	Trương Hoàng	Phượng	Trường THCS Trần Văn Quang	46.0		46.0	Không trúng tuyển	
591	L1	Trần Ngọc	Quỳnh	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
592	L1	Lê Thị Thu	Tâm	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
593	L1	Lê Trương Hải	Thanh	Trường THCS Trần Văn Quang	49.0		49.0	Không trúng tuyển	
594	L1	Âu Thị Phương	Thảo	Trường THCS Trần Văn Quang	48.0		48.0	Không trúng tuyển	
595	L1	Cao Thị	Thảo	Trường THCS Trần Văn Quang	47.0		47.0	Không trúng tuyển	
596	L1	Trần Thị Lệ	Thư	Trường THCS Trần Văn Quang	48.0		48.0	Không trúng tuyển	
597	L1	Trần Thị	Thúy	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
598	L1	Lê Thị Thu	Thúy	Trường THCS Trần Văn Quang	49.0		49.0	Không trúng tuyển	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
599	L1	Nguyễn Thái Toàn	03/8/1999	Trường THCS Trần Văn Quang	61.0		61.0	Trúng tuyển	
600	L1	Nguyễn Vũ Quốc Toàn	15/3/1994	Trường THCS Trần Văn Quang	49.0		49.0	Không trúng tuyển	
601	L1	Vũ Thị Thùy Trang	26/12/1996	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
602	L1	Vũ Thiên Triệu	28/4/1997	Trường THCS Trần Văn Quang	46.0		46.0	Không trúng tuyển	
603	L1	Trịnh Anh Tuấn	19/01/1987	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
604	L1	Lê Thị Tuyết	21/3/2001	Trường THCS Trần Văn Quang	48.0		48.0	Không trúng tuyển	
605	L1	Nguyễn Thị Thanh Tuyết	05/3/2001	Trường THCS Trần Văn Quang	48.0		48.0	Không trúng tuyển	
606	L1	Bùi Hoàng Nhã Uyên	16/11/2002	Trường THCS Trần Văn Quang	49.0		49.0	Không trúng tuyển	
607	L1	Nguyễn Thị Thanh Vân	22/02/2002	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
608	L1	Phan Tường Vi	15/3/1996	Trường THCS Trần Văn Quang	49.0		49.0	Không trúng tuyển	
609	L1	Phạm Thị Như Ý	12/4/1996	Trường THCS Trần Văn Quang	49.0		49.0	Không trúng tuyển	
610	T2	Vũ Thanh An	23/6/1999	Trường THCS Trần Văn Đang	56.0		56.0	Không trúng tuyển	
611	T2	Đỗ Trần Ngọc Châu	09/01/1996	Trường THCS Tân Bình	68.3		68.3	Không trúng tuyển	
612	T2	Nguyễn Thị Dền	29/11/1997	Trường THCS Ngô Sĩ Liên				Vắng	
613	T2	Trương Nam Đán	10/01/1985	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	56.3	5	61.3	Không trúng tuyển	Học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị
614	T2	Đồng Thị Mai Dung	29/01/1998	Trường THCS Ngô Sĩ Liên				Vắng	
615	T2	Trương Thị Xuân Hà	01/01/1994	Trường THCS Trần Văn Đang	45.3		45.3	Không trúng tuyển	
616	T2	Phạm Thị Thủy Hằng	22/02/1994	Trường THCS Tân Bình				Vắng	
617	T2	Hoàng Thị Trâm Hương	11/8/1995	Trường THCS Trần Văn Đang				Vắng	
618	T2	Nguyễn Gia Khánh	01/11/2002	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	52.3		52.3	Không trúng tuyển	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
619	T2	Bích Văn Liêu	16/05/1989	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	55.7	5	60.7	Không trúng tuyển	Dân tộc Chăm
620	T2	Nguyễn Ngọc Minh	25/6/1987	Trường THCS Tân Bình	40.7		40.7	Không trúng tuyển	
621	T2	Nguyễn Thị Thanh Nguyên	21/12/1991	Trường THCS Trần Văn Đàng	60.7		60.7	Trúng tuyển	
622	T2	Huỳnh Ngọc Nhật	17/5/1997	Trường THCS Tân Bình				Vắng	
623	T2	Nguyễn Tấn Phong	30/8/1981	Trường THCS Tân Bình	48.7		48.7	Không trúng tuyển	
624	T2	Nguyễn Trúc Phương	14/6/2001	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	70.3		70.3	Không trúng tuyển	
625	T2	Lê Thị Tân	18/11/1992	Trường THCS Tân Bình				Vắng	
626	T2	Bùi Kim Thành	04/5/1984	Trường THCS Ngô Sĩ Liên				Vắng	
627	T2	Nguyễn Thị Phương Thảo	27/8/1991	Trường THCS Tân Bình	48.3		48.3	Không trúng tuyển	
628	T2	Trịnh Thị Nghĩa Thảo	15/9/1998	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	80.0		80.0	Trúng tuyển	
629	T2	Trần Văn Thiện	20/4/1984	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	57.7		57.7	Không trúng tuyển	
630	T2	Hoàng Thị Hồng Thương	05/9/1996	Trường THCS Tân Bình	66.3		66.3	Không trúng tuyển	
631	T2	Nguyễn Thị Hoài Thương	01/01/1981	Trường THCS Tân Bình	69.0		69.0	Trúng tuyển	
632	T2	Trần Thị Thùy Trang	19/11/2002	Trường THCS Tân Bình				Vắng	
633	T2	Nguyễn Minh Tường	19/9/2000	Trường THCS Ngô Sĩ Liên				Vắng	
634	T2	Trần Lưu Chí Tường	19/3/2001	Trường THCS Trần Văn Đàng				Vắng	
635	T2	Đỗ Ngọc Phương Uyên	26/9/1999	Trường THCS Ngô Sĩ Liên				Vắng	
636	T2	Phạm Công Văn	05/11/2002	Trường THCS Tân Bình				Vắng	
637	T2	Đặng Quảng Ngọc Vy	30/9/1994	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	62.7		62.7	Không trúng tuyển	
638	T1	Châu Văn An	09/10/1988	Trường THCS Trần Văn Quang	47.0		47.0	Không trúng tuyển	
639	T1	Nguyễn Bảo Thiên Ân	13/3/1996	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch				Vắng	
640	T1	Lê Ngọc Quỳnh Anh	14/8/2002	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
641	T1	Nguyễn Thị Minh Châu	23/3/2002	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
642	T1	Nguyễn Thị Kim Cúc	12/11/1978	Trường THCS Trần Văn Quang	58.3		58.3	Không trúng tuyển	
643	T1	Nguyễn Văn Tiến Đạt	20/3/2000	Trường THCS Trần Văn Quang	62.7		62.7	Không trúng tuyển	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
644	T1	Nguyễn Thị Hồng	14/3/1989	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch				Vắng	
645	T1	Võ Mỹ Duyên	15/9/1999	Trường THCS Trần Văn Quang	48.0		48.0	Không trúng tuyển	
646	T1	Nguyễn Thúy Hằng	09/5/1995	Trường THCS Trần Văn Quang	67.7		67.7	Không trúng tuyển	
647	T1	Trần Huy Hoàng	24/3/2001	Trường THCS Trần Văn Quang	46.3		46.3	Không trúng tuyển	
648	T1	Hoàng Thị Hương	08/01/1998	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
649	T1	Phạm Văn Khôi	25/5/1985	Trường THCS Trần Văn Quang	71.7		71.7	Trúng tuyển	
650	T1	Nguyễn Thị Lệ	15/4/1990	Trường THCS Trần Văn Quang	66.7		66.7	Không trúng tuyển	
651	T1	Đoàn Vũ Minh Nghĩa	29/5/1999	Trường THCS Trần Văn Quang	77.7		77.7	Trúng tuyển	
652	T1	Nguyễn Thị Quỳnh Như	08/6/1999	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	63.3		63.3	Không trúng tuyển	
653	T1	Đỗ Phương Oanh	11/9/2002	Trường THCS Trần Văn Quang	58.7		58.7	Không trúng tuyển	
654	T1	Nguyễn Văn Quang	10/3/1986	Trường THCS Trần Văn Quang	61.7		61.7	Không trúng tuyển	
655	T1	Hoàng Ngọc Sơn	09/02/1988	Trường THCS Trần Văn Quang	62.7		62.7	Không trúng tuyển	
656	T1	Nguyễn Hồng Sơn	07/02/2000	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch				Vắng	
657	T1	Phạm Hải Sơn	06/5/1997	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	73.0		73.0	Trúng tuyển	
658	T1	Võ Quang Tân	17/10/1997	Trường THCS Trần Văn Quang	57.7		57.7	Không trúng tuyển	
659	T1	Trần Quốc Thái	29/12/2001	Trường THCS Võ Văn Tần	51.0		51.0	Không trúng tuyển	
660	T1	Phạm Đắc Thắng	02/12/1996	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch				Vắng	
661	T1	Vũ Tuấn Thành	01/3/1998	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	46.7		46.7	Không trúng tuyển	
662	T1	Tổng Thị Thúy	26/7/1998	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	63.7		63.7	Không trúng tuyển	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
663	T1	Phan Thị Ngọc Thùy	04/3/1993	Trường THCS Võ Văn Tần				Vắng	
664	T1	Trần Hồng Diễm Trâm	10/8/1991	Trường THCS Võ Văn Tần	72.7		72.7	Trúng tuyển	
665	T1	Phạm Duy Tùng	05/10/1991	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	67.0		67.0	Không trúng tuyển	
666	T1	Trần Thanh Vũ Tùng	14/12/1988	Trường THCS Võ Văn Tần	62.7		62.7	Không trúng tuyển	
667	T1	Nguyễn Thanh Việt	03/01/1990	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch				Vắng	
668	T1	Nguyễn Trung Việt	23/3/1996	Trường THCS Trần Văn Quang	47.3		47.3	Không trúng tuyển	
669	T1	Tiêu Bửu Vinh	08/8/1997	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch				Vắng	
670	T1	Bùi Đình Ý	22/9/1994	Trường THCS Trần Văn Quang	59.0		59.0	Không trúng tuyển	
671	V2	Võ Thị Hồng Điệp	30/01/1993	Trường THCS Tân Bình	62.3		62.3	Trúng tuyển	
672	V2	Nguyễn Thị Thùy Dương	01/4/1998	Trường THCS Tân Bình				Vắng	
673	V2	Đỗ Khánh Duyên	04/5/2001	Trường THCS Lý Thường Kiệt				Vắng	
674	V2	Trần Hồng Hạnh	20/01/2022	Trường THCS Tân Bình				Vắng	
675	V2	Lê Đăng Khoa	02/10/1980	Trường THCS Lý Thường Kiệt	53.0		53.0	Trúng tuyển	
676	V2	Trần Thị Phúc Minh	26/3/1984	Trường THCS Trần Văn Đàng	48.0		48.0	Không trúng tuyển	
677	V2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	08/02/2000	Trường THCS Tân Bình	49.0		49.0	Không trúng tuyển	
678	V2	Tô Thị Hồng Nhung	01/6/1990	Trường THCS Tân Bình	68.0		68.0	Trúng tuyển	
679	V2	Ngô Hoàng Bích Phương	27/10/2002	Trường THCS Tân Bình	49.0		49.0	Không trúng tuyển	
680	V2	Trần Thị Vân	20/10/1984	Trường THCS Tân Bình	49.0		49.0	Không trúng tuyển	
681	V1	Nguyễn Thị Thùy Dung	17/6/1997	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	65.0		65.0	Trúng tuyển	
682	V1	Trần Ngọc Gia Hân	02/01/2002	Trường THCS Trường Chinh	48.0		48.0	Không trúng tuyển	
683	V1	Nguyễn Phúc Hậu	25/8/2000	Trường THCS Trường Chinh	58.0		58.0	Không trúng tuyển	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
684	V1	Phạm Văn Kiệt	28/9/1991	Trường THCS Trường Chinh				Vắng	
685	V1	Nguyễn Lương Minh	27/6/2001	Trường THCS Trần Văn Quang	65.0		65.0	Trúng tuyển	
686	V1	Nguyễn Thùy Mỹ	20/11/1994	Trường THCS Trường Chinh	48.0		48.0	Không trúng tuyển	
687	V1	Đinh Thị Quỳnh	12/01/2001	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	69.0		69.0	Trúng tuyển	
688	V1	Huỳnh Thanh Thắng	12/3/2001	Trường THCS Trường Chinh	66.7		66.7	Trúng tuyển	
689	V1	Lê Thị Thanh	05/9/1982	Trường THCS Trần Văn Quang	48.0		48.0	Không trúng tuyển	
690	V1	Nguyễn Thị Thanh Thúy	22/12/1977	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	49.0		49.0	Không trúng tuyển	
691	V1	Nguyễn Thị Thùy	24/4/1991	Trường THCS Trần Văn Quang	68.0		68.0	Trúng tuyển	
692	V1	Tổng Thị Tuyết Trinh	06/11/2002	Trường THCS Trần Văn Quang	48.0		48.0	Không trúng tuyển	
693	V1	Huỳnh Lê Tường Vy	15/6/2002	Trường THCS Trường Chinh	66.7		66.7	Trúng tuyển	
694	V1	Hoàng Thị Xuyên	20/9/1984	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
695	V1	Lâm Mỹ Ý	09/5/2002	Trường THCS Trần Văn Quang	50.0	5	55.0	Không trúng tuyển	Dân tộc Hoa
696	V1	Nguyễn Thị Hải Yến	10/10/2002	Trường THCS Trường Chinh	49.0		49.0	Không trúng tuyển	
697	GVu	Ngô Khánh Toại	25/3/1970	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ				Vắng	
698	GVu	Đào Thị Quỳnh Như	08/10/1983	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	72	5	77.0	Trúng tuyển	Con thương binh
699	GVu	Trần Vũ Minh Thanh	10/5/1995	Trường Tiểu học Chi Lăng	79		79.0	Trúng tuyển	
700	GVu	Trần Ngọc Ánh	14/02/1994	Trường Tiểu học Chi Lăng				Vắng	
701	GVu	Trần Thị Thu Hiền	16/12/1980	Trường THCS Quang Trung	69.7		69.7	Trúng tuyển	
702	GVu	Nguyễn Thị Thu Hà	01/6/1985	Trường THCS Ngô Quyền	77.3	5	82.3	Trúng tuyển	Con thương binh

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
703	GVu	Phạm Thị Thanh Thảo	09/12/1999	Trường THCS Ngô Quyền				Vắng	
704	QTCS	Phạm Anh Dũng	25/02/1986	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	63.0		63.0	Không trúng tuyển	
705	QTCS	Võ Trần Duy	02/10/1993	Trường THCS Âu Lạc	92.0	2.5	94.5	Trúng tuyển	Người hoàn thành nghĩa vụ tham gia công an nhân dân
706	QTCS	Hồ Thị Kim Duyên	04/10/1987	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	93.0		93.0	Trúng tuyển	
707	QTCS	Vũ Thị Mai Hiền	26/10/1995	Trường Tiểu học Yên Thế	90.0		90.0	Trúng tuyển	
708	QTCS	Lê Thị Hiền	25/02/1996	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	69.0		69.0	Không trúng tuyển	
709	QTCS	Phan Trung Hiếu	30/11/1997	Trường Tiểu học Yên Thế	40.0	5	45.0	Không trúng tuyển	Con thương binh
710	QTCS	Trần Hoàng Long	03/01/2001	Trường THCS Âu Lạc				Vắng	
711	QTCS	Nguyễn Thị Hồng Phúc	29/10/1974	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Kịp				Vắng	
712	QTCS	Dương Thị Ngọc Phương	08/3/1990	Trường THCS Âu Lạc	57.0		57.0	Không trúng tuyển	
713	QTCS	Hàng Phước Thọ	24/8/1983	Trường THCS Hoàng Hoa Thám				Vắng	
714	QTCS	Hoàng Thị Lệ Thu	05/9/1996	Trường THCS Âu Lạc	62.0		62.0	Không trúng tuyển	
715	QTCS	Trương Thị Trang	04/6/2000	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	92.0	5	97.0	Trúng tuyển	Dân tộc Thổ
716	QTCS	Lê Huỳnh Ngọc Tú	13/7/2001	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	61.0		61.0	Không trúng tuyển	
717	QTCS	Trịnh Hồng Vân	15/5/1986	Trường THCS Võ Văn Tần	35.0		35.0	Không trúng tuyển	
718	QTCS	Trần Thị Phương Vy	21/02/1986	Trường THCS Âu Lạc	89.0		89.0	Không trúng tuyển	
719	QTCS	Phạm Thị Cẩm Xuyên	05/02/2000	Trường THCS Âu Lạc	38.0		38.0	Không trúng tuyển	
720	QTCS	Diệc Bảo Yến	23/01/1989	Trường THCS Võ Văn Tần	35.0	5	40.0	Không trúng tuyển	Dân tộc Hoa
721	KTa	Nguyễn Như Ý	12/3/2000	Trường THCS Trương Chính	70.0		70.0	Trúng tuyển	
722	KTa	Nguyễn Thị Ngọc Loan	03/5/1979	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều				Vắng	
723	YT	Hồ Thị Mỹ Đức	16/01/1974	Trường Mầm non 9				Vắng	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
724	YT	Phạm Thị Nguyệt	07/3/1984	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	55.0		55.0	Trúng tuyển	
725	YT	Trần Minh Thạch	07/10/1985	Trường THCS Ngô Quyền	91.7	2.5	94.2	Trúng tuyển	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự
726	YT	Võ Hoàng Ngọc Lan	28/3/1997	Trường THCS Trần Văn Quang	66.7		66.7	Trúng tuyển	
727	YT	Trần Đặng Thùy Trang	09/8/1985	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
728	YT	Huỳnh Thị Mộng Tuyền	20/10/1984	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	85.3		85.3	Trúng tuyển	
729	YT	Lý Ngọc Lan	15/10/1975	Trường THCS Lý Thường Kiệt	50.0		50.0	Trúng tuyển	
730	TB	Nguyễn Thị Hiền	03/9/1991	Trường THCS Trường Chinh	50.3		50.3	Trúng tuyển	
731	TB	Nguyễn Thị Bảo Châu	20/3/1987	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	85.7		85.7	Trúng tuyển	
732	TVa	Huỳnh Nhật Linh	09/12/2001	Trường THCS Quang Trung				Vắng	
733	TVa	Nguyễn Phúc Phương Anh	20/6/2002	Trường THCS Trường Chinh	63.0		63.0	Trúng tuyển	
734	TVa	Lê Đức Anh Tuấn	18/3/1997	Trường THCS Ngô Quyền	68.7		68.7	Trúng tuyển	
735	TVa	Trần Thị Vân Anh	30/9/2001	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	36.7		36.7	Không trúng tuyển	
736	TVa	Nguyễn Trạc Đa	12/9/1980	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	86.0		86.0	Trúng tuyển	
737	VT	Đặng Hoài Thảo Uyên	21/9/1994	Trường Mầm non 1	96.3		96.3	Trúng tuyển	
738	VT	Lê Thị Như Quỳnh	20/8/1999	Trường Mầm non 3	93.0		93.0	Trúng tuyển	
739	TV	Nguyễn Ngọc Nhiều	01/8/1989	Trường THCS Tân Bình	25.7		25.7	Không trúng tuyển	
740	TV	Thái Nguyễn Đăng Khoa	29/9/1988	Trường THCS Tân Bình	25.7		25.7	Không trúng tuyển	
741	TV	Trần Thanh Uyên Phương	19/8/1998	Trường THCS Tân Bình				Vắng	
742	TV	Nguyễn Thị Ngọc Hương	31/5/1980	Trường THCS Tân Bình				Vắng	
743	TV	Trần Thị Thủy	17/7/1974	Trường THCS Tân Bình	59.3		59.3	Trúng tuyển	

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
744	TV	Phạm Ngọc Tân	25/6/1991	Trường THCS Trường Chinh	68.0		68.0	Không trúng tuyển	
745	TV	Đồng Phúc Như	02/6/2002	Trường THCS Trường Chinh	88.7		88.7	Trúng tuyển	
746	TV	Phạm Thị Nga	06/6/1986	Trường THCS Trường Chinh	59.0		59.0	Không trúng tuyển	
747	TV	Đỗ Thị Hằng	20/10/1975	Trường Tiểu học Chi Lăng	54.7		54.7	Không trúng tuyển	
748	TV	Lê Thị Hồng Thanh	03/02/1983	Trường Tiểu học Chi Lăng	50.0	5	55.0	Trúng tuyển	Con thương binh
749	TV	Lê Trung Thành	15/7/1977	Trường THCS Võ Văn Tần	51.7		51.7	Trúng tuyển	
750	TV	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	12/10/1983	Trường THCS Quang Trung	20.0		20.0	Không trúng tuyển	
751	TV	Võ Thị Phương Thảo	10/8/2001	Trường THCS Quang Trung	84.0		84.0	Trúng tuyển	
752	KT1	Đỗ Ngọc Khánh Anh	24/8/1979	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	95.0		95.0	Trúng tuyển	
753	KT1	Thái Thị Tân Diệu	19/12/1984	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai				Vắng	
754	KT1	Lâm Tư Duyên	18/10/1990	Trường Tiểu học Phan Huy Ích				Vắng	
755	KT1	Nguyễn Thị Hạnh	23/02/1977	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	60.0		60.0	Không trúng tuyển	
756	KT1	Hoàng Thị Lụa	27/3/1987	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	30.3	5	35.3	Không trúng tuyển	Dân tộc Tày
757	KT1	Trần Thị Nhu	10/8/1993	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	95.7		95.7	Trúng tuyển	
758	KT1	Vũ Hoàng Phước	14/9/1984	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	67.3	5	72.3	Trúng tuyển	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
759	KT1	Trần Thị Lan Phương	16/02/1983	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	50.0		50.0	Trúng tuyển	
760	KT1	Nguyễn Thanh Phượng	05/11/1985	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	95.3		95.3	Trúng tuyển	
761	KT1	Trần Văn Sơn	13/7/1983	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ				Vắng	
762	KT1	Lữ Kim Thùy	08/6/1986	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	61.0	5	66.0	Không trúng tuyển	Dân tộc Hoa

STT	Mã vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
763	KT1	Nguyễn Thị Kim	16/02/1990	Trường Tiểu học Chi Lăng	95.0		95.0	Trúng tuyển	
764	KT2	Chu Thị	22/12/1984	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	74.2		74.2	Trúng tuyển	
765	KT2	Lê Thị Khánh	09/07/1987	Trường THCS Trần Văn Quang				Vắng	
766	KT2	Nguyễn Ngọc Thiên	20/11/1987	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	47.5		47.5	Không trúng tuyển	
767	KT2	Nguyễn Vũ Hương	29/6/1990	Trường THCS Ngô Quyền	29.3		29.3	Không trúng tuyển	
768	KT2	Nguyễn Ngọc Phương	23/4/1984	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	61.0		61.0	Không trúng tuyển	
769	KT2	Nguyễn Thị Hồng	10/6/1982	Trường Mầm non 11	38.7		38.7	Không trúng tuyển	
770	KT2	Trần Trọng	18/01/1977	Trường THCS Quang Trung	89.0		89.0	Trúng tuyển	
771	KT2	Nguyễn Thị Thảo	23/11/1990	Trường THCS Lý Thường Kiệt	41.7		41.7	Không trúng tuyển	
772	KT2	Đoàn Bảo	01/3/1988	Trường THCS Ngô Quyền	32.7		32.7	Không trúng tuyển	
773	KT2	Huỳnh Thị	04/10/1987	Trường THCS Ngô Quyền	33.7		33.7	Không trúng tuyển	
774	KT2	Lê Đỗ Duy	02/7/1978	Trường THCS Lý Thường Kiệt				Vắng	
775	KT2	Nguyễn Thị Cẩm Tú	19/10/1983	Trường THCS Trần Văn Quang	86.3		86.3	Trúng tuyển	

Tổng cộng danh sách có 775 thí sinh./.